

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------	------------------------

Hội đồng quản trị

Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên		
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên		

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc		
Ông Trần Đoàn Việ	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HUNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.908.171.048	124.132.571.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.468.883.407	57.939.720.350
1. Tiền	111		7.968.883.407	10.939.720.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	47.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.152.132.902	21.192.551.866
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.452.132.902	10.788.962.576
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	4.700.000.000	10.403.589.290
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.638.782.685	42.429.188.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.584.928.676	23.045.014.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	205.500.000	132.870.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	17.441.715.920	17.441.715.920
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9.949.316.916	3.546.248.876
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.542.678.827)	(1.736.661.324)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	392.070.858	631.513.620
Hàng tồn kho	141		392.070.858	631.513.620
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.256.301.196	1.939.597.088
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.771.882.128	1.455.308.006
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	484.419.068	484.289.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.121.342.133	137.790.653.898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000	55.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	55.000.000	55.000.000
II. Tài sản cố định	220		118.653.620.739	126.941.651.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	96.300.356.046	104.012.065.708
Nguyên giá	222		184.443.516.606	183.783.373.292
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.143.160.560)	(79.771.307.584)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	22.353.264.693	22.929.585.465
Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.705.268.000)	(1.128.947.228)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		208.363.636	639.818.192
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	208.363.636	639.818.192
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.784.016.819	5.784.016.819
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	5.784.016.819	5.784.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.420.340.939	4.370.167.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.214.948.744	4.116.001.772
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		205.392.195	254.165.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.029.513.181	261.923.225.039

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.548.597.309	13.800.281.172
I. Nợ ngắn hạn	310		16.209.869.309	13.593.681.172
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	10.675.726.822	7.380.744.658
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.113.976.903	2.335.892.014
3. Phải trả người lao động	314		1.994.190.207	1.775.924.005
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		384.866.884	82.597.124
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	798.081.678	744.506.254
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	821.780.530
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	243.026.815	452.236.587
II. Nợ dài hạn	330		338.728.000	206.600.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	338.728.000	206.600.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.480.915.872	248.122.943.867
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	234.480.915.872	248.122.943.867
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(3.809.548.070)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.745.703.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.873.276.332	105.949.105.106
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>81.081.827.167</i>	<i>94.608.959.881</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>11.791.449.165</i>	<i>11.340.145.225</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.364.070.033	1.345.228.624
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.029.513.181	261.923.225.039

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃU B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	124.204.084.108	124.231.510.674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.204.084.108	124.231.510.674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	105.079.278.207	110.809.451.360
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.124.805.901	13.422.059.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.605.859.066	18.776.549.507
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.865.002.197	12.567.674.064
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		223.257.537	499.124.683
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	2.553.115.747
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.841.076.933	9.568.275.484
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.024.585.837	12.615.775.020
12. Thu nhập khác	31		446.415.310	1.484.702.186
13. Chi phí khác	32		578.134.355	100.906.989
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	(131.719.045)	1.383.795.197
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.892.866.792	13.999.570.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.948.329.211	2.558.125.973
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		48.773.747	15.831.269
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.895.763.834	11.425.612.975
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		11.791.449.165	11.340.145.225
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		104.314.669	85.467.750
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	841,21	815,28
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	841,21	815,28

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.892.866.792	13.999.570.217
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.969.201.997	12.484.863.994
- Các khoản dự phòng	03		806.017.503	949.613.128
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	22.771.257
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.942.306.511)	(13.111.550.086)
- Chi phí lãi vay	06		223.257.537	499.124.683
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.949.037.318	14.844.393.193
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải thu	09		(5.169.991.431)	(4.004.009.252)
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10		239.442.762	24.581.013
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.174.302.464	(3.783.439.035)
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		(415.521.094)	1.181.739.890
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		4.336.829.674	(1.259.555.939)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(223.257.537)	(499.124.683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.530.317.953)	(1.769.439.988)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.910.200.772)	(2.704.346.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.450.323.431	2.030.798.681
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.988.959.807)	(5.705.208.201)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.741.272.728	3.476.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.700.000.000)	(9.014.049.191)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.403.589.290	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.884.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	53.296.761.811
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.197.790.005	3.124.008.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.653.692.216	42.293.512.476
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(585.040.630)	(3.809.548.070)
2. Tiền thu từ đi vay	33		18.185.185.539	125.426.487.803
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.006.966.069)	(124.604.707.273)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.168.031.430)	(26.108.294.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.574.852.590)	(29.096.061.540)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.529.163.057	15.228.249.617
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.939.720.350	42.734.241.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(22.771.257)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	61.468.883.407	57.939.720.350

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 35128 668
- Fax : 028 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Năm 2019 Công ty không còn các khoản thu nhập được chia từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư vào các Công ty Liên kết do các Hợp đồng này đã được thanh lý trong năm 2018, do đó thu nhập tài chính từ lãi chuyển nhượng các Hợp đồng Liên kết năm 2019 là 0 đồng (năm 2018 là 8.238.807.024 đồng), vấn đề này ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty (*Xem thuyết Minh VII.3*).

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 149 người (tại ngày 31 tháng 12 Năm 2019: 153 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 18 của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.619.938.441	1.957.564.927
Tiền gửi ngân hàng	5.348.944.966	8.982.155.423
Các khoản tương đương tiền (i)	53.500.000.000	47.000.000.000
Cộng	<u>61.468.883.407</u>	<u>57.939.720.350</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm (Năm 2019: 5,1% đến 6,0%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	-	-	540.810.000	540.810.000	-
Công ty Cổ phần hàng không VietJet	-	-	-	1.325.485.250	1.325.485.250	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	-	-	-	563.343.750	563.343.750	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	-	-	-	1.023.533.000	1.023.533.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	-	-	874.810.250	874.810.250	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	-	1.106.657.500	1.106.657.500	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	921.380.000	921.380.000	-
Công ty cổ phần Chứng khoán MB	737.289.000	737.289.000	-	737.289.000	737.289.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	-	-	-	639.994.326	639.994.326	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	544.315.250	544.315.250	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	-	1.211.815.000	1.211.815.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	-	-	-	1.299.529.250	1.299.529.250	-
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)	1.904.009.501	1.904.009.501	-	-	-	-
Công Ty Tài Chính Cổ Phần Điện Lực (EVF)	1.384.032.650	1.384.032.650	-	-	-	-
Các mã chứng khoán khác	2.426.801.751	2.426.801.751	-	-	-	-
Cộng	6.452.132.902	6.452.132.902	-	10.788.962.576	10.788.962.576	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	10.403.589.290	10.403.589.290
Cộng	4.700.000.000	4.700.000.000	10.403.589.290	10.403.589.290

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,8% đến 7,8%/năm (Năm 2019 từ 6,2% đến 7,0%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú (*)	2.508.043.759	2.508.043.759
Samudera Shipping Line Ltd.	2.225.455.561	1.495.526.538
Công ty CP SangChi	302.679.666	546.174.666
Công ty TNHH Triều Minh Quang	-	440.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Hải Trường Thành	204.305.000	424.735.000
Chi nhánh Công ty TNHH Khai Thác Container Việt Nam (VNB)	108.556.000	623.531.400
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	3.628.559.921	2.320.405.262
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	1.531.256.032	474.702.617
Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu	308.675.852	98.041.478
Công ty TNHH Oocl Việt Nam	-	45.527.600
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Vận Chuyển QMT Việt	528.620.481	2.129.035.493
Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	1.231.736.000	-
Khách hàng khác	9.007.040.404	11.914.347.178
Cộng	21.584.928.676	23.045.014.745

(*) Công nợ quá hạn đã lập dự phòng

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty CP ĐT xây dựng & môi trường O2	18.000.000	-
Công ty CP TV thiết kế công trình xây dựng HP	187.500.000	-
Khách hàng khác	-	132.870.000
Cộng	205.500.000	132.870.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	17.441.715.920	17.441.715.920
Cộng	17.441.715.920	17.441.715.920

Cho Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa ốc vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 Năm 2019 và gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2019 kèm theo quyền mua căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Phải thu ngắn hạn khác	9.949.316.916	34.635.068	3.546.248.876	34.635.068
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	1.654.799.718	-	162.043.027	-
Tạm ứng nhân viên	578.823.579	34.635.068	242.329.120	34.635.068
Ký cược, ký quỹ	4.081.000.000	-	10.000.000	-
Lãi dự thu	142.191.441	-	611.604.730	-
BHXH Phải thu	674.338	-	674.338	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.491.827.840	-	2.519.597.661	-
b) Phải thu dài hạn khác	55.000.000	-	55.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	5.000.000	-	5.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	50.000.000	-	50.000.000	-
Cộng	10.004.316.916	34.635.068	3.601.248.876	34.635.068

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	-	2.508.043.759	2.508.043.759	806.017.503	1.702.026.256
Tạm ứng các cá nhân	34.635.068	-	34.635.068	34.635.068	-	34.635.068
Cộng	2.542.678.827	-	2.542.678.827	2.542.678.827	806.017.503	1.736.661.324

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.736.661.324	787.048.196
Trích lập dự phòng trong năm	806.017.503	949.613.128
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	2.542.678.827	1.736.661.324

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	108.539.964	-	96.919.662	-
Công cụ, dụng cụ	12.231.818	-	-	-
Hàng hóa	271.299.076	-	534.593.958	-
Cộng	392.070.858	-	631.513.620	-

9. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.771.882.128	1.455.308.006
Chi phí mua bảo hiểm, kiểm định	572.621.281	665.978.636
Chi phí sửa chữa	132.411.921	127.753.589
Công cụ, dụng cụ	325.284.798	275.723.081
Chi phí khác	741.564.128	385.852.700
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.214.948.744	4.116.001.772
Chi phí công cụ, dụng cụ, phí văn phòng	2.149.491.212	2.367.491.951
Chi phí sửa chữa	792.234.501	967.062.527
Chi phí khác	1.273.223.031	781.447.294
Cộng	5.986.830.872	5.571.309.778

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	96.153.061.362	1.616.826.595	79.825.352.345	5.393.032.763	795.100.227	183.783.373.292
Tăng trong năm	515.767.500	-	2.667.328.681	31.818.182	-	3.214.914.363
Giảm trong năm	-	-	2.554.771.049	-	-	2.554.771.049
Số cuối năm	96.668.828.862	1.616.826.595	79.937.909.977	5.424.850.945	795.100.227	184.443.516.606
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	29.684.609.049	303.165.312	47.001.854.118	2.440.686.415	340.992.690	79.771.307.584
Tăng trong năm	2.894.690.511	137.257.248	5.785.414.270	496.009.152	79.510.044	9.392.881.225
Giảm trong năm	-	-	1.021.028.249	-	-	1.021.028.249
Số cuối năm	32.579.299.560	440.422.560	51.766.240.139	2.936.695.567	420.502.734	88.143.160.560
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	66.468.452.313	1.313.661.283	32.823.498.227	2.952.346.348	454.107.537	104.012.065.708
Số cuối năm	64.089.529.302	1.176.404.035	28.171.669.838	2.488.155.378	374.597.493	96.300.356.046

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 43.200.368.729 VND (tại ngày 31 tháng 12 Năm 2018: 39.164.159.721 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.128.947.228	1.128.947.228
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.705.268.000	1.705.268.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	22.929.585.465	22.929.585.465
Số cuối năm	22.353.264.693	22.353.264.693

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	-	445.454.556
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Công trình đầu tư kho – TV Nam Phát	14.000.000	-
Cộng	208.363.636	639.818.192

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	5.784.016.819
Cộng	5.784.016.819	5.784.016.819

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	5.784.016.819	7.329.225.000	5.784.016.819	8.349.750.000
Cộng	5.784.016.819	7.329.225.000	5.784.016.819	8.349.750.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.329.225.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 Năm 2018 giá trị hợp lý là 8.349.750.000 VND tương ứng với 618.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.253.665.377	3.253.665.377	1.036.099.479	1.036.099.479
Công ty TNHH Cảng Phước Long	133.857.064	133.857.064	156.683.350	156.683.350
Khách hàng khác	7.288.204.381	7.288.204.381	6.187.961.829	6.187.961.829
Cộng	10.675.726.822	10.675.726.822	7.380.744.658	7.380.744.658

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	352.397.982	4.778.884.434	4.931.648.299	199.634.117
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	<i>(216.681.395)</i>	<i>2.291.762.198</i>	<i>2.355.243.730</i>	<i>(280.162.927)</i>
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	<i>569.079.377</i>	<i>2.487.122.236</i>	<i>2.576.404.569</i>	<i>479.797.044</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.534.352.485	1.948.329.211	2.530.317.953	952.363.743
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	<i>(134.338.984)</i>	<i>251.646.649</i>	<i>191.121.391</i>	<i>(73.813.726)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	<i>1.668.691.469</i>	<i>1.696.682.562</i>	<i>2.339.196.562</i>	<i>1.026.177.469</i>
Thuế thu nhập cá nhân	(121.102.632)	1.397.217.303	879.251.777	396.862.894
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	<i>(133.268.703)</i>	<i>60.041.856</i>	<i>54.744.968</i>	<i>(127.971.815)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	<i>12.166.071</i>	<i>1.337.175.447</i>	<i>824.506.809</i>	<i>524.834.709</i>
Các loại thuế khác	85.955.097	1.822.048.212	1.827.306.228	80.697.081
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	6.785.408	920.542.992	929.799.000	(2.470.600)
Thuế nhà thầu	79.169.689	888.505.220	884.507.228	83.167.681
Cộng	559.077.600	9.263.178.776	7.970.653.444	1.851.602.932
Trình bày:				
Thuế phải thu	484.289.082			484.419.068
Thuế phải nộp	2.335.892.014			2.113.976.903

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	798.081.678	744.506.254
Kinh phí công đoàn	62.970.500	2.730.900
BHXH	-	84.883.200
BHYT	1.932.051	18.948.651
BHTN	7.244.704	7.264.704
Cổ tức phải trả	27.377.665	21.004.495
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	118.504.148	124.004.148
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	580.052.610	485.670.156
b) Phải trả dài hạn khác	338.728.000	206.600.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	-	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Milensea - Ký quỹ thuê văn phòng	283.128.000	-
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	25.600.000	36.600.000
Cộng	<u>1.136.809.678</u>	<u>951.106.254</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Tăng do			Số cuối năm
	Số đầu năm	trích lập từ lợi nhuận	Chi khác	
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	181.699.062	1.133.994.000	(1.186.016.030)	129.677.032
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	270.537.525	566.997.000	(724.184.742)	113.349.783
Cộng	<u>452.236.587</u>	<u>1.700.991.000</u>	<u>(1.910.200.772)</u>	<u>243.026.815</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	-	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.809.548.070)	-	-	-	(3.809.548.070)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	11.340.145.225	85.467.750	11.425.612.975
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(26.108.294.000)	(54.052.676)	(26.162.346.676)
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(2.635.614.615)	-	(2.635.614.615)
Tặng khác	-	-	-	-	140.522.139	-	140.522.139
Giảm khác	-	-	-	-	(97.809.028)	(9.052.336)	(106.861.364)
Số cuối năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	(3.809.548.070)	6.745.703.936	105.949.105.106	1.345.228.624	248.122.943.867
Số đầu năm nay	131.998.470.000	5.893.984.271	(3.809.548.070)	6.745.703.936	105.949.105.106	1.345.228.624	248.122.943.867
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(585.040.630)	-	-	-	(585.040.630)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	11.791.449.165	104.314.669	11.895.763.834
Chia cổ tức năm nay(*)	-	-	-	-	(23.174.404.600)	(77.355.599)	(23.251.760.199)
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(1.700.991.000)	-	(1.700.991.000)
Tặng khác	-	-	-	-	8.117.661	-	8.117.661
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.117.661)	(8.117.661)
Số 31/12/2019	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	92.873.276.332	1.364.070.033	234.480.915.872

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2018 bằng tiền mặt, với tỷ lệ 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019. Tháng 12 năm 2019, Công ty chi cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 31/10/2019 với tỷ lệ 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>352.200</i>	<i>291.400</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.908.447	12.908.447
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.847.647</i>	<i>12.908.447</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	28.831,63	129.051,34

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ vận tải	47.245.515.007	39.724.447.239
Dịch vụ khai thác kho bãi	48.712.845.577	50.933.752.527
Dịch vụ đại lý container	10.577.480.702	10.556.461.043
Cho thuê văn phòng	3.646.429.445	3.130.897.541
Doanh thu bán hàng hóa	14.021.813.377	19.885.952.324
Cộng	<u>124.204.084.108</u>	<u>124.231.510.674</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	45.491.320.830	42.060.998.466
Giá vốn khai thác kho bãi	37.887.560.590	41.399.928.027
Giá vốn đại lý container	6.257.729.445	6.422.585.731
Giá vốn Cho thuê văn phòng	1.995.942.049	1.745.478.960
Giá vốn hàng hóa	13.446.725.293	19.180.460.176
Cộng	<u>105.079.278.207</u>	<u>110.809.451.360</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.861.516.784	3.068.751.263
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	927.750.000	467.860.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	730.175.469	6.796.925.398
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	86.416.813	204.205.822
Lãi chuyển nhượng vốn	-	8.238.807.024
Cộng	<u>6.605.859.066</u>	<u>18.776.549.507</u>

4. Chi phí tài chính

Hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.852.316.251	12.413.785.221
<i>Trong đó: lãi margin chứng khoán</i>	<i>223.257.537</i>	<i>499.124.683</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.685.946	131.117.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.771.257
Cộng	<u>2.865.002.197</u>	<u>12.567.674.064</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	4.989.757.647	5.337.987.203
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	521.028.759	400.048.823
Chi phí dụng cụ quản lý	97.505.411	105.561.268
Chi phí khấu hao	381.107.259	377.587.812
Thuế phí và lệ phí	77.624.529	50.812.038
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	806.017.503	949.613.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.418.967.568	1.779.689.781
Chi phí bằng tiền khác	549.068.257	566.975.431
Cộng	<u>8.841.076.933</u>	<u>9.568.275.484</u>

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	194.058.094	1.350.830.762
Thu bồi thường	236.347.555	-
Thu nhập khác	16.009.661	133.871.424
Cộng	<u>446.415.310</u>	<u>1.484.702.186</u>

Chi phí khác

Giá trị còn lại tài sản thanh lý	132.627.458	-
Nộp phạt thuế	1.400.000	28.852.289
Chi phí khác	444.106.897	72.054.700
Cộng	<u>578.134.355</u>	<u>100.906.989</u>

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

<u>(131.719.045)</u>	<u>1.383.795.197</u>
-----------------------------	-----------------------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.892.866.792	13.999.570.217
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(1.102.546.194)	458.249.591
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	458.249.591
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(1.102.546.194)	-
Thu nhập chịu thuế	12.790.320.598	14.457.819.808
- Thuế suất 20%	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất áp dụng thông thường	2.558.064.120	2.891.563.962
Ưu đãi thuế	(609.734.907)	(333.437.989)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.948.329.211	2.558.125.973

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.791.449.165	11.340.145.225
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(707.486.950)	(680.408.714)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.083.962.215	10.659.736.511
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.176.181	13.074.978
Lãi cơ bản trên cổ phần	841,21	815,28

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.083.962.215	10.659.736.511
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	11.083.962.215	10.659.736.511
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.176.181	13.074.978
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.176.181	13.074.978
Lãi suy giảm trên cổ phần	841,21	815,28

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	28.211.392.850	30.393.523.247
Chi phí nhân viên	24.421.776.824	25.749.837.067
Chi phí khấu hao	9.974.106.164	12.484.863.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.534.454.033	50.675.483.435
Chi phí bằng tiền khác	778.625.269	1.074.019.101
Cộng	113.920.355.140	120.377.726.844

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức còn phải trả	6.373.170	21.004.495
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng từ lợi nhuận được chia	104.314.669	85.467.750
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	142.191.441	611.604.730

2. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng cuối năm trước đã thu trong năm	611.604.730	199.001.524
---	-------------	-------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong vòng 1 năm	448.559.000	448.559.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.794.236.000	1.794.236.000
Sau 5 năm	2.691.354.000	3.139.913.000
Cộng	<u>4.934.149.000</u>	<u>5.382.708.000</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi, thuê văn phòng theo các hợp đồng như sau:

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTD ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m²/năm.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.977.050.000	1.981.116.200
Cộng	<u>1.977.050.000</u>	<u>1.981.116.200</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành phố Hải Phòng	82.688.667.565	89.587.227.618
Thành phố Hồ Chí Minh	41.515.416.543	34.644.283.056
Cộng	<u>124.204.084.108</u>	<u>124.231.510.674</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thành phố Hải Phòng	86.769.558.060	92.705.767.312	1.287.842.713	7.278.297.374
Thành phố Hồ Chí Minh	31.884.062.679	34.235.883.861	1.927.071.650	2.559.977.634
Cộng	118.653.620.739	126.941.651.173	3.214.914.363	9.838.275.008

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.468.883.407	61.468.883.407	57.939.720.350	57.939.720.350
Chứng khoán kinh doanh	6.452.132.902	6.452.132.902	10.788.962.576	10.788.962.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	10.403.589.290	10.403.589.290
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.076.884.917	19.076.884.917	21.342.988.489	21.342.988.489
Phải thu khác	24.466.534.919	24.466.534.919	20.799.961.338	20.799.961.338
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.784.016.819	5.784.016.819	5.784.016.819	5.784.016.819
Cộng	121.948.452.964	121.948.452.964	127.059.238.862	127.059.238.862
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	10.675.726.822	10.675.726.822	7.380.744.658	7.380.744.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	384.866.884	384.866.884	82.597.124	82.597.124
Phải trả khác	1.064.662.423	1.064.662.423	837.278.799	837.278.799
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	821.780.530	821.780.530
Cộng	12.125.256.129	12.125.256.129	9.122.401.111	9.122.401.111

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.9.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản tiền gửi đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng uy tín và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.468.883.407	-	-	61.468.883.407
Chứng khoán kinh doanh	6.452.132.902	-	-	6.452.132.902
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.700.000.000	-	-	4.700.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.076.884.917	-	-	19.076.884.917
Phải thu khác	24.411.534.919	55.000.000	-	24.466.534.919
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819	-	5.784.016.819
Cộng	116.109.436.145	5.839.016.819	-	121.948.452.964
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	10.675.726.822	-	-	10.675.726.822
Chi phí phải trả ngắn hạn	384.866.884	-	-	384.866.884
Phải trả khác	725.934.423	338.728.000	-	1.064.662.423
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	11.786.528.129	338.728.000	-	12.125.256.129
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.322.908.016	5.500.288.819	-	109.823.196.835
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.939.720.350	-	-	57.939.720.350
Chứng khoán kinh doanh	10.788.962.576	-	-	10.788.962.576
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.403.589.290	-	-	10.403.589.290
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.342.988.489	-	-	21.342.988.489
Phải thu khác	20.744.961.338	55.000.000	-	20.799.961.338
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819	-	5.784.016.819
Cộng	121.220.222.043	5.839.016.819	-	127.059.238.862
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	7.380.744.658	-	-	7.380.744.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	82.597.124	-	-	82.597.124
Phải trả khác	630.678.799	206.600.000	-	837.278.799
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	821.780.530	-	-	821.780.530
Cộng	8.915.801.111	206.600.000	-	9.122.401.111
Chênh lệch thanh khoản thuần	112.304.420.932	5.632.416.819	-	117.936.837.751

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được phân loại lại phù với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (Được phân loại lại)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	17.441.715.920	17.441.715.920
Phải thu ngắn hạn khác	20.987.964.796	(17.441.715.920)	3.546.248.876

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất